

Bản án số: **59**/2019/HS-ST

Ngày 18/11/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Cường

Ông Nguyễn Văn Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình K, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1963 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn Phú C, xã Lộc T, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình S (đã chết) và bà Trần Thị T (đã chết); có vợ Lê Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 07/5/2019, chuyển tạm giam từ ngày 16/5/2019 cho đến ngày 28/6/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh và Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị Q, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1967 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn Phước T, xã Lộc T, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H (đã chết) và bà Phan Thị D (đã chết); có chồng và 03 con; tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 26 tháng 12 năm 2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên phạt 07 năm tù về tội “ Mua bán trái phép vật liệu nổ”, năm 2010 được đặc xá tha tù trở về địa phương. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 07/5/2019, chuyển tạm giam từ ngày 16/5/2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Lê T (tên gọi khác: Lê Văn T), sinh ngày 10 tháng 6 năm 1972 tại Thừa

Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn Thủy D, xã Lộc T, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Trương Thị B; có vợ Lê Thị K và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 07/5/2019, chuyển tạm giam từ ngày 16/5/2019 cho đến ngày 09/10/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Đỗ C, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1973 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn Thủy D, xã Lộc T, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ T (đã chết) và bà Bùi Thị Đ; có vợ Hoàng Thị L và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

5. Huỳnh C1, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1975 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn Thủy D, xã Lộc T, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh T và bà Đặng Thị C; có vợ Hứa Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

6. Tôn Thất T1, sinh ngày 28 tháng 9 năm 1978 tại Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn Thủy D, xã Lộc T, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Thất H và bà Lê Thị Q; có vợ Trần Thị T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Đình T2, trú tại: Thôn Phú C, xã Lộc T, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị K1, trú tại: Thôn Thủy D, xã Lộc T, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Lê Việt T3, sinh năm 1964. Địa chỉ: 6/10/213 Bùi Thị X, phường Phường Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 06 giờ 50 phút ngày 07 tháng 5 năm 2019, trên đoạn đường Quốc lộ 1A thuộc địa phận Tổ dân phố 3, thị trấn Phú Lộc, Đội Cảnh sát kinh tế Công an huyện Phú Lộc tiến hành bắt quả tang đối tượng Lê T (tức Lê Văn T) có hành vi vận chuyển trái phép 02 kg thuốc nổ và 12 kíp nổ điện. Qua đấu tranh làm rõ số tang vật trên là do Thủ mua của Nguyễn Đình K.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lộc đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đình K tại Thôn Phú C, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc thu được 6,3 kg thuốc nổ, 526 kíp nổ điện; 03 khẩu súng tự chế và 60 viên đạn dùng cho súng tiểu liên. K khai nhận: Đối với số thuốc nổ là K tìm kiếm và trực tiếp tháo từ các quả bom, đạn phế liệu còn sót lại sau chiến tranh; đối với số kíp nổ K mua lại của Lê Thị Q.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Thị Q tại thôn Phước T, xã Lộc T, huyện Phú Lộc phát hiện và tạm giữ 7.8 kg thuốc nổ, Q khai nhận số thuốc nổ trên cất giữ từ trước đây trong vụ án mà Q đã bị xét xử nhưng chưa bị phát hiện. Đối với số kíp nổ đã bán cho K, Q khai nhận do nhà ở gần hầm đào Phước T nên đã đổi rượu và thực phẩm cho 1 người công nhân đang thi công hầm vào ở đây năm 2016 nhưng không rõ họ tên, địa chỉ.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra Quyết định Trưng cầu giám định vật chứng nghi thuốc nổ đã tạm giữ khi bắt quả tang Lê T; vật chứng nghi thuốc nổ đã tạm giữ của Nguyễn Đình K và vật chứng nghi thuốc nổ đã tạm giữ của Lê Thị Q. Ngày 11 tháng 5 năm 2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế có Kết luận giám định số 208/GĐ kết luận: Chất rắn màu vàng, màu xám được trích mẫu, ký hiệu từ A1 đến A5 từ số tang vật vụ án đều là thuốc nổ, loại thuốc nổ hỗn hợp có thành phần TNT (Trinitrotoluen) và bột nhôm (Al).

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra quyết định trưng cầu giám định 03 khẩu súng tự chế và 60 viên đạn tạm giữ tại chỗ ở Nguyễn Đình K. Ngày 30 tháng 5 năm 2019 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế có kết luận giám định 256/GĐ: Kết luận 60 viên đạn mẫu gửi giám định là vũ khí quân dụng; Trong 03 khẩu súng tự chế, khẩu ký hiệu A1 là vũ khí thể thao; 02 khẩu ký hiệu A2, A3 là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế trưng cầu Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an giám định kíp nổ. Ngày 19 tháng 6 năm 2019, Viện Khoa Học hình sự Bộ Công an có kết luận giám định số 3216/C09-P2, kết luận: Các mẫu vật ký hiệu A1 và A2 được trích mẫu từ 541 kíp nổ tang vật đều là kíp nổ điện vỏ nhôm và còn sử dụng để kích nổ được.

Các bị cáo khai nhận: Vào đầu tháng 3 năm 2019, Lê T, Đỗ C, Tôn Thất T1, Huỳnh C1 nhận đực phá đá thuê ở hố móng trụ đường dây điện 500KV, ở khu vực vùng núi thuộc tổ 9, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc cho ông Đỗ Văn C3 - là giám đốc Công ty điện Quang Thắng, địa chỉ tổ 31, phường Hòa Khánh B, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Trong lúc làm, Lê T nhận thấy việc phá đá thủ công tốn nhiều công sức mà không đem lại hiệu quả nên trao đổi với Huỳnh C1, Đỗ C, Tôn Thất T1 về việc mua thuốc nổ để sử dụng và được mọi người đồng ý. Việc mua thuốc nổ, kíp nổ được Lê T chủ động nhận để thực hiện. Tiền mua thuốc nổ, kíp nổ do Lê T tự bỏ ra trước. Sau khi làm xong, nhận được tiền công phá đá, cả bốn người sẽ cùng góp lại tiền để đưa lại cho Lê T. Sau khi bàn bạc, Lê T đến nhà Nguyễn Đình K, mua 0.5 kg thuốc nổ với giá 400.000 đồng rồi dùng xe mô tô Wait biển số 75K1-6002 vận chuyển tới chỗ làm móng trụ điện. Để thực hiện việc sử dụng thuốc nổ phá đá, cả bốn người đem theo búa, cây sắt và các vật dụng khác để làm kíp nổ tự chế và kéo dây điện vào bình ác quy xe máy để kích nổ. Cả bốn đối tượng này đã sử dụng hết 0.5 kg thuốc nổ. Sau khi làm xong móng trụ điện lần thứ nhất, bốn người chia đều tiền công. Rồi góp mỗi người 100.000 đồng để trả lại tiền mua thuốc nổ mà Lê T đã bỏ ra trước.

Vào cuối tháng 3 năm 2019 các đối tượng tiếp tục nhận đục phá đá ở móng trụ điện thứ hai số 73 - 02, cùng khu vực trụ điện trước đó, từ Đỗ Văn C3 với giá 3.000.000 đồng. Cũng giống như lần thứ nhất, T nói với K là T cần mua một số lượng lớn kíp nổ để dùng trong một thời gian lâu dài. Do K không có kíp nổ nên K đã đến nhà Lê Thị Q để mua kíp nổ điện vỏ nhôm. Ban đầu do chưa có đủ kíp nổ, nên Lê Thị Q chỉ bán cho K 12 kíp nổ, giá bán là 24.000 đồng cho 01 kíp nổ, nhưng chưa lấy tiền, Q và K thống nhất lần sau bán số lượng lớn kíp nổ sẽ lấy tiền một lượt. Khi mua xong, K dùng xe mô tô Honda Wave biển số 75H7 - 1001 chở số kíp nổ đó về cất giấu tại chỗ ở. Một ngày sau, Lê T chạy xe mô tô Wait biển số 75K1 - 6002 đến chỗ ở Nguyễn Đình K và mua 12 kíp nổ và 01 kg thuốc nổ, với giá 800.000 đồng cho 01 kg thuốc nổ, 30.000 đồng /01 kíp nổ. Tổng cộng số tiền T trả cho K là 1.160.000 đồng. Sau khi mua xong, Lê T dùng xe mô tô Wait biển số 75K1 - 6002 chở thuốc nổ, kíp nổ tới chỗ phá đá làm móng trụ điện và đã sử dụng hết 01 kg thuốc nổ, 03 kíp nổ, còn thừa lại 09 kíp nổ Lê T đem về chỗ ở cất giấu để tiếp tục dùng cho những lần sau.

Do cần kíp nổ để bán cho T, nên Nguyễn Đình K tiếp tục liên hệ với Lê Thị Q để mua. Ngày 14 tháng 4 năm 2019, Lê Thị Q báo K đưa tiền trước 10.000.000 đồng để Q tìm mua kíp nổ (K đã đưa số tiền trên). Ngày 04 tháng 5 năm 2019, Q báo cho K đến lấy kíp nổ, K đã dùng xe mô tô Honda Wave biển số 75H7 - 1001 chạy đến nhà Lê Thị Q và mua 529 kíp nổ điện với giá 24.000 đồng cho mỗi kíp. Do lần trước Q đã bán cho K 12 kíp nổ nhưng chưa lấy tiền, nên lần này Q tính chung là 541 kíp nổ, nhưng Q chỉ lấy chặn tiền 530 kíp nổ. Tổng cộng số tiền K đã trả cho Q là 12.720.000 đồng. Trước đó, K đã đưa trước 10.000.000 đồng nên K đã đưa thêm cho Q 2.720.000 đồng. Sau khi mua xong kíp nổ, Nguyễn Đình K dùng xe mô tô Honda Wave biển số 75H7 - 1001 chở số kíp nổ đó về cất giấu tại chỗ ở.

Vào đầu tháng 5 năm 2019, Lê T, Huỳnh C1, Đỗ C và Tôn Thất T1 tiếp tục nhận đục phá đá móng trụ điện số 73 - 01 từ Đỗ Văn C3, chưa thống nhất giá nhận thuê. Trụ số 73 - 01 (gần với vị trí trụ 73 - 02). Lê T tiếp tục liên hệ với Nguyễn Đình K để mua thuốc nổ, kíp nổ. Vào sáng ngày 07 tháng 5 năm 2019 Lê T chạy xe mô tô Wait biển số 75K1 - 6002 đến nhà Nguyễn Đình K mua 02 kg thuốc nổ và 03 kíp nổ điện với giá 1.690.000 đồng (800.000 đồng cho 01 kg thuốc nổ, 30.000đ/01 kíp nổ). Lúc đi, Lê T còn mang theo 09 kíp nổ còn thừa ở lần sử dụng thứ hai. Sau đó T dùng mô tô Wait biển số 75K1 - 6002 vận chuyển 02 kg thuốc nổ và 12 kíp nổ đến chỗ móng trụ để cùng nhau làm. Lúc Lê T đang vận chuyển thuốc nổ từ nhà Nguyễn Đình K đến nơi phá đá làm trụ điện thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế bắt quả tang.

* Vật chứng của vụ án:

- 16.1kg thuốc nổ, thu của T, K và Q;
- 538 kíp nổ, thu của K và của T. (Đã trưng cầu giám định hết 04 kíp nổ, còn lại 534 kíp).
- 60 (sáu mươi) viên đạn loại 5.56 x 45mm, thu của K. (Đã trưng cầu giám định 06 viên, còn lại 54 viên)
- 01 (một) súng thể thao, 02 (hai) súng có tính năng tác dụng vũ khí quân dụng, thu của K.

- 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam, thu của K 1.800.000 đồng và của T 100.000 đồng;

- 01 (một) xe mô tô Honda Wave biển số 75H7-1001, thu của K.

- 01 (một) xe mô tô Wait biển số 75K1- 6002, thu của Lê T.

- 01 (một) điện thoại Nokia màu đen. Bên trong có 01 (một) sim mobifone, thu của T;

- 01 (một) điện thoại Intex màu đen. Bên trong có 01 (một) sim viettel, thu của K;

- 01 (một) cân đồng hồ lò xo, loại 100kg, 01 (một) cục đá màu xám, dài khoảng 20cm, thu của Q;

- 01 (một) búa, 01 (một) thanh sắt nhọn, 01 (một) sợi dây điện thu của C.

Đối với vật chứng là thuốc nổ, kíp nổ và đạn Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã gửi vào Kho vũ khí thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế quản lý theo quy định. Đối với tiền đã gửi vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế. Đối với các vật chứng còn lại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra lệnh nhập kho vào kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát thi hành án và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-P1 ngày 09/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra truy tố bị cáo Nguyễn Đình K về các tội: “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Truy tố bị cáo Lê Thị Q về tội “Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ”; Truy tố bị cáo Lê T (tên gọi khác: Lê Văn Trí) về tội “Mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015; Truy tố các bị cáo Đỗ C, Huỳnh C1 và Tôn Thất T1 về tội: “Mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên truy tố như Cáo trạng, đồng thời đề nghị Tòa án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình K từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”

Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đình K từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội đối với bị cáo Khôi.

- Áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình đối với bị cáo T,

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Q từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Mua bán, tàng trữ trái phép vật liệu nổ” và xử phạt bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù về tội: “Mua bán, vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ”

Áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo Đỗ C; Huỳnh C1 và Tôn Thất T1

từ 06 tháng đến 09 tháng từ về tội: “ Mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ” nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Điều 67, Điều 6 Khoản 1 Nghị định 26 ngày 05/4/2012 của Chính phủ đề nghị giao toàn bộ vật chứng sau cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế xử lý theo quy định pháp luật: 16.1kg thuốc nổ; 534 kíp nổ; 54 viên đạn; 01 (một) súng thể thao, 02 (hai) súng có tính năng tác dụng vũ khí quân dụng.

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Đình T2 01 (một) xe mô tô Honda Wave biển số 75H7-1001

- Trả lại cho bị cáo Lê T (Lê Văn Trí) số tiền 100.000 đồng, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án

- Trả lại cho bị cáo Q 01 (một) cân đồng hồ lò xo, loại 100kg

Tích thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

- 1/2 giá trị xe mô tô Wait biển số 75K1- 6002, thu của Lê T.

- 01 (một) điện thoại Nokia màu đen, bên trong có 01 (một) sim mobifone, thu của

T;

- 01 (một) điện thoại Intex màu đen, bên trong có 01 (một) sim viettel, thu của K;

- Số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam

Tích thu tiêu hủy:

- 01 (một) búa, 01 (một) thanh sắt nhọn, 01 (một) sợi dây điện thu của C. 01 (một) cục đá màu xám, dài khoảng 20cm, thu của Q;

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; và đề nghị Hội đồng xét xử được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình, trở thành người công dân tốt của xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định

[2]. Có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Về hành vi tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ:

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 3 năm 2019 đến đầu tháng 5 năm 2019, Lê T cùng với Huỳnh C1, Đỗ C, Tôn Thất T1 đã thống nhất tìm mua thuốc nổ của một số đối tượng trên địa bàn huyện Phú Lộc để làm công cụ phá đá. Bị cáo T đã mua của Nguyễn Đình K nhiều lần thuốc nổ và kíp nổ với tổng khối lượng là 3,5 kg thuốc nổ và 15 kíp

nổ. Bị cáo Nguyễn Đình K đã có hành vi tàng trữ 6,3 kg thuốc nổ, 526 kíp nổ và đã bán cho T 3,5 kg thuốc nổ và 15 kíp nổ. Bị cáo Lê Thị Q tàng trữ 7,8 kg thuốc nổ và đã bán cho K 526 kíp nổ. Tại bản kết luận giám định số 208/GĐ ngày 11 tháng 5 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận: Chất rắn màu vàng, màu xám được trích mẫu, ký hiệu từ A1 đến A5 từ số tang vật vụ án đều là thuốc nổ, loại thuốc nổ hỗn hợp có thành phần TNT (Trinitrotoluen) và bột nhôm (Al). Tại bản kết luận giám định số 3216/C09-P2 ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Viện Khoa Học hình sự Bộ Công an đã kết luận: Các mẫu vật ký hiệu A1 và A2 được trích mẫu từ 541 kíp nổ đều là kíp nổ điện vỏ nhôm và còn sử dụng để kích nổ được. Như vậy, hành vi của các bị cáo K, Q, T, C, C1 và T1 đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý vật liệu nổ của Nhà nước đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại khoản 1 Điều 305 của Bộ luật Hình sự năm 2015

[2.2] Về hành vi tàng trữ vũ khí quân dụng: Vào ngày 07/5/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã khám xét nơi ở của Nguyễn Đình K và phát hiện 03 khẩu súng tự chế cùng 60 viên đạn. Tại bản kết luận giám định số 256/GĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận: 60 viên đạn mẫu gửi giám định là vũ khí quân dụng; trong 03 khẩu súng tự chế, khẩu ký hiệu A1 là vũ khí thể thao; 02 khẩu ký hiệu A2, A3 là vũ khí có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng. Như vậy, hành vi của bị cáo K tàng trữ 60 viên đạn đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với vũ khí quân dụng đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Vật liệu nổ và vũ khí quân dụng là nguồn nguy hiểm cao đối với xã hội, do Nhà nước độc quyền quản lý, nhà nước cấm các tổ chức, cá nhân chế tạo, tàng trữ, sử dụng, vận chuyển, mua bán trái phép. Các bị cáo trong vụ án này đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được nguy hiểm của vật liệu nổ và vũ khí quân dụng, tuy nhiên do mục đích lợi nhuận dẫn đến việc phạm tội. Do vậy, cần xử phạt nghiêm nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.1] Về hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ: Đây là vụ án có hai người cố ý cùng thực hiện tội phạm nên vụ án có đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuy nhiên hành vi của các bị cáo giản đơn nên không phạm vào tình tiết phạm tội có tổ chức. Xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: Bị cáo Q là người tàng trữ với khối lượng thuốc nổ và kíp nổ sau đó đã bán cho K nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính. Đối với bị cáo K tàng trữ khối lượng thuốc nổ ít hơn Q và mua kíp nổ của Q để bán lại cho T nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ yếu. Đối với bị cáo T là người khởi xướng việc mua thuốc nổ và kíp nổ để sử dụng nên bị cáo vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hành nên bị cáo có vai trò lớn hơn các bị cáo C, C1, T1 là những người tham gia với vai trò là người thực hành.

[3.2] Về hành vi tàng trữ vũ khí quân dụng: Khi khám xét nơi ở của bị cáo K đã phát hiện bị cáo đang tàng trữ 60 mui viên đạn nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập với các bị cáo khác về hành vi này.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:
Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo K, Q, T, C, C1, T1 đều khai báo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo K và bị cáo T đã tích cực hợp tác với cơ quan Công an để phát hiện đồng phạm khác đối với tội “Tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ” nên cả hai bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo K có bố là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo C, C1, T1 tham gia với vai trò thứ yếu không đáng kể nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt thấy rằng: Bị cáo K phạm vào hai tội; bị cáo Q có nhân thân xấu đã bị xử phạt về cùng hành vi trước đó và bị cáo T là người khởi xướng và thực hành tích cực trong việc sử dụng vật liệu nổ. Do đó cần phải cách ly cả ba bị cáo ra ngoài xã hội mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục. Đối với bị cáo C, C1, T1 có nhân thân tốt, có nơi ở ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và tham gia với vai trò thứ yếu nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục cũng thỏa đáng.

Về mức hình phạt: Xét thấy các bị cáo T, C, C1, T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự về tội: “Mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ”, và bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự về tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[6] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Đối với vật liệu nổ và vũ khí quân dụng là vật Nhà nước cấm lưu hành nên giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết theo thẩm quyền gồm: 16.1kg thuốc nổ; 534 kíp nổ; 54 viên đạn; 01 (một) súng thể thao, 02 (hai) khẩu súng có tính năng tác dụng như vũ khí quân dụng.

- Đối với 01 (một) xe mô tô Honda Wave biển số 75H7-1001 thu giữ của bị cáo K, đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, tuy nhiên thuộc sở hữu của anh Nguyễn Đình T2, khi bị cáo K sử dụng xe để dùng vào việc phạm tội thì anh T2 không biết nên cần trả lại chiếc xe này cho anh T2.

- Đối với xe mô tô Wait biển số 75K1- 6002 thu giữ của bị cáo T, đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, tuy nhiên thuộc sở hữu chung của vợ chồng nên cần tịch thu 1/2 giá trị xe mô tô Wait biển số 75K1- 6002 để sung vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả cho bà Lê Thị K1 một nửa giá trị chiếc xe xe mô tô Wait biển số 75K1- 6002.

- Đối với 01 (một) điện thoại Nokia màu đen bên trong có 01 (một) sim mobifone là thuộc sở hữu của bị cáo Lê T; 01 (một) điện thoại Intex màu đen bên trong có 01 (một) sim Viettel của bị cáo K, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) cân đồng hồ lò xo, loại 100kg thu giữ của bị cáo Q không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) cái búa, 01 (một) thanh sắt nhọn, 01 (một) sợi dây điện 01 (một) cục đá màu xám, dài khoảng 20cm thu giữ của bị cáo C. Đây là những vật chứng không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy:

- Đối với số tiền 1.800.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình K đây là số tiền bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 100.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê T là tài sản của bị cáo cần trả lại, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đình K 12 tháng tù về tội: “Tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép vật liệu nổ”.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình K 04 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự 2015, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của 02 tội là 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo đã bị bắt giam (từ ngày 7/5/2019 đến 28/6/2019)

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Lê Thị Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “ Tàng trữ, mua bán trái phép vật liệu nổ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ 07/5/2019.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo: Lê T (Lê Văn Trí) 07 (bảy) tháng tù về tội “ Vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ ”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ vào thời gian đã bị bắt giam (từ ngày 07/5/2019 đến ngày 09/10/2019).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Bị cáo Đỗ C 06 (sáu) tháng tù về tội “ Mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ ” cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên

án sơ thẩm.

Bị cáo Huỳnh C1 06 (sáu) tháng tù về tội “ Mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ ” cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Tôn Thất T1 06 (sáu) tháng tù về tội “ Mua bán, sử dụng trái phép vật liệu nổ ” cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Đỗ C, Huỳnh C1 và Tôn Thất T1 cho Ủy ban nhân dân xã Lộc T, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách, trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 67, Điều 6 Khoản 1 Nghị định 26 ngày 05/4/2012 của Chính phủ

Tuyên xử: Tịch thu 16.1kg thuốc nổ; 534 kíp nổ; 54 viên đạn; 01 (một) súng thể thao, 02 (hai) khẩu súng có tính năng tác dụng như vũ khí quân dụng, giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế xử lý theo thẩm quyền (Theo biên bản bàn giao vũ khí, khí tài giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 29/10/2019);

Tịch thu 1/2 giá trị xe mô tô Wait biển số 75K1- 6002 để sung vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả cho bà Lê Thị K1 một nửa giá trị chiếc xe xe mô tô Wait biển số 75K1- 6002.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại Nokia màu đen bên trong có 01 (một) sim mobifone; 01 (một) điện thoại Intex màu đen bên trong có 01 (một) sim viettel và 1.800.000 đồng tiền Việt Nam.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cục đá màu xám, dài khoảng 20cm; 01 (một) búa, 01 (một) thanh sắt nhọn, 01 (một) sợi dây điện .

Trả lại cho anh Nguyễn Đình T2 xe Honda Wave biển số 75H7-1001 và trả lại cho bị cáo Lê T (Lê Văn T) số tiền 100.000 đồng, nhưng cần tiếp tục tạm giữ số tiền để bảo đảm thi hành án; trả lại cho bị cáo Lê Thị Q 01 (một) cân đồng hồ lò xo, loại 100kg.

(Toàn bộ số tang vật trên theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế)

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Đình K, Lê Thị Q, Lê T (Lê Văn Trí), Đỗ C, Huỳnh C1, Tôn Thất T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Bản án này là sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh T.T.Huế;
- Phòng PV27- CA tỉnh T.T.Huế;
- Trại tạm giam Công an tỉnh T.T.Huế;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh TT Huế;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: Tòa HS, Vp, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Cao Sơn

